TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HSST
Ngày: 07/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải
2. Ông Nguyễn Văn Di

Thư ký phiên tòa: Ông Lục Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2019/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST-HS ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đức B, tên gọi khác: không; Giới tính: nam; Sinh ngày: 14/5/1990; Nơi sinh: tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT: thôn V, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Nguyễn Đức L, sinh năm: 1966; Con bà: Trần Thị L, sinh năm: 1967; cùng trú tại: thôn V, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Anh, chị, em ruột: gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không. Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt ngày 02/4/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Họ và tên: Hoàng Văn T, tên gọi khác: không; Giới tính: nam; Sinh ngày: 01/9/1997; Nơi sinh: tỉnh Hà Giang; Nơi đăng ký HKTT: thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Con ông: Hoàng Ngọc Đ, sinh năm: 1974; Con bà: Lê Thị T, sinh năm: 1972; cùng trú tại: thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang; Anh, chị, em ruột: gia đình có 2 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt ngày 02/4/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn V, tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/5/1990; Nơi sinh: tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT: xóm B X, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; Con bà: Trần Thị L, sinh năm: 1969; cùng trú tại: xóm B X, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Anh, chị, em ruột: gia đình có 3 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt ngày 02/4/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

4. Họ và tên: Dương Văn C, tên gọi khác: không; Giới tính: nam; Sinh ngày: 02/9/1994; Nơi sinh: tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; Con bà: Dương Thị Q, sinh năm: 1965; trú tại: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Anh, chị, em ruột: bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Nhân thân: năm 2014 bị Công an huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép tài sản của người khác.

Bị cáo bị bắt ngày 03/4/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Bị hại:

1. Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 2004; HKTT: 43/84/14B T, phường A, quận L, thành phố H; Vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; HKTT: 43/84/14B T, phường A, quận L, thành phố H; Vắng mặt.

2. Đào Phương A, sinh năm 2004; HKTT: Số nhà 32-C9K phường T, quận H, thành phố H; Vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật: Phạm Thị N, sinh năm 1979; HKTT: Số nhà 32-C9K phường T, quận H, thành phố H; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1999*;* HKTT: Tổ AB, phường Q, quận H, thành phố H; Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bùi Minh H, sinh năm 1996; HKTT: tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

2. Hoàng Văn T, sinh năm 1988; HKTT: tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01/2019 Nguyễn Đức B làm công việc quản lý một số nhân viên phục vụ rót bia cho khách tại các quán hát Karaoke trên địa bàn thành phố C, trong đó có Đào Phương A và Phạm Thị Ngọc L. B là người chịu trách nhiệm về chỗ ở và ăn uống của các nhân viên. Ngày 30/3/2019 Phương A và L do không muốn làm nhân viên cho B nữa nên đã nói dối B là xin đi chơi đến ngày 31/3/2019 không thấy về, B gọi điện thì Phương A và L đều không nghe máy. Do tức giận nên B đã lên kế hoạch bắt Phương A và L về phòng trọ.

Khoảng 21 giờ ngày 01/4/2019 B sử dụng số điện thoại khác để nhắn tin cho Phương A và L giả là khách mời đến hát tại quán Karaoke G thuộc tổ M, phường Đ, thành phố C, Phương Avà L nhận lời. Sau đó B gọi điện thoại cho 03 người bạn là Dương Văn C (sinh năm 1994; trú tại: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên), Nguyễn Văn V (sinh năm: 1990; trú tại: xóm B X, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên), Hoàng Văn T (sinh năm 1997, trú tại: thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang) đến quán Karaoke G để chờ Phương A và L đến thì bắt về phòng trọ. B gọi điện cho V nói *"Đang ở đâu đấy, lên G lôi mấy đứa nhà tôi về giúp tôi với"*. Trước đó, V đã biết chuyện Phương A, L trốn khỏi nhà nên V hiểu ý B và đồng ý. V nói *"Bảo thằng C, T lên xưởng tôi rồi đi"*. B gọi điện cho C và cũng nói *"Lên xưởng của V đi rồi cùng nó với T lên G lôi mấy đứa nhà anh về, bọn nó đang ra rồi đấy*". C cũng biết chuyện của Phương A và L nên đồng ý giúp. Cuối cùng B gọi cho T là người cùng làm nghề nuôi nhân viên với B, cũng nói giống như nói với V và C là *"lên giúp tôi lôi Phương A và L về nhà"*. Sau đó C, V, T thuê xe taxi đến quán Karaoke G, tại đây C hỏi T lý do bắt Phương A, L thì T nói: *"Hai con này đi bay hai ngày chưa thấy về"* nên C hiểu nếu thấy Phương A và L thì phải bắt về. Đợi được một lúc thì thấy xe taxi đưa Phương A và L đến, khi nhìn thấy nhóm C, V, T thì Phương A và L bảo taxi quay về hướng thành phố C nên nhóm C, V, T bảo taxi đuổi theo, đến đoạn dốc S thuộc tổ H, phường Đ, thành phố C thì đuổi kịp và ép xe Phương A và L dừng lại. V mở cửa kéo L ra khỏi xe túm tóc, tát vào mặt L 01 phát, còn C kéo Phương A ra khỏi xe dùng chân đá, dùng tay tát vào mặt Phương A 02 phát, sau đó bắt Phương A và L lên xe taxi. C nói với Phương A: *"Mày trốn thì trốn cho kĩ vào, đừng trốn ở đất Cao Bằng này"*. T cầm 02 túi xách và 02 điện thoại của Phương A và L nhằm mục đích không cho Phương A và L gọi người khác đến giúp đỡ. Sau đó cả nhóm bảo taxi đưa về phòng trọ tại tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Khi về đến đầu ngõ phòng trọ có Bùi Minh H (sinh năm 1996, trú tại: tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) đến và xông vào tát cho Phương A 01 phát, sau đó tất cả cùng vào phòng. Khi ở trong phòng, H dùng tay tát vào mặt L 01 phát, C tát vào mặt Phương A và L mỗi người 01 phát và nói: "*Lần này tao cảnh cáo, đừng có lần sau"*. Sau đó V, C, H đi về chỉ có Phương A, L và T ở lại phòng trọ. T gọi điện thoại nói cho B biết đã bắt được Phương A và L về phòng nên B dặn đóng cửa đi ngủ không cho chúng nó đi đâu. Khoảng 23 giờ 00 cùng ngày, T có đến phòng trọ yêu cầu T mở cửa thả Phương A và L ra nhưng T

không chịu nên một lúc sau T đi về. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 02/4/2019 B cùng với người yêu là Nguyễn Thị Thùy L (sinh năm 1999; trú tại: Tổ AB, phường Q, quận H, thành phố H) đi từ Thái Nguyên về đến Cao Bằng, T đưa 02 điện thoại của Phương A và L cho B cất vào tủ. Cả ngày 02/4/2019 B và T ở phòng giám sát không cho Phương A và L đi đâu. Vào 15 giờ 30 phút ngày 02/4/2019, anh Hoàng Văn T đã làm đơn trình báo lên cơ quan Công an thành phố Cao Bằng. Đến 17 giờ cùng ngày Công an thành phố Cao Bằng tiến hành xác minh tại phòng trọ của Nguyễn Đức B thuộc tổ B, phường T, thành phố C và đưa Nguyễn Đức B, Hoàng Văn T cùng Đào Phương A, Phạm Thị Ngọc L về trụ sở làm việc.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Đức B, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn V và Dương Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng bị thu giữ:

Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S và IPHONE 5S của Đào Phương A và Phạm Thị Ngọc L mà cơ quan điều tra đã thu giữ được khi khám xét tại phòng trọ của Nguyễn Đức B, xét thấy việc trả lại tài sản không làm ảnh hưởng đến việc truy tố, xét xử nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là Phương A và L.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s và Nokia 1202 đã tạm giữ của Nguyễn Thị Thùy L, qua quá trình điều tra, xét thấy 02 chiếc điện thoại trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thanh phố Cao Bằng đã trả lại cho chủ sở hữu.

Vật chứng còn lại chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng đồng; số Imei: 356152090534354, máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Đức B.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 + màu vàng nhạt, số Imei 1: 352808092432111; số Imei 2: 352809092432119, máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn V.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen, số Imei 1: 354465105312679; số Imei 2: 354466105312677, máy cũ đã qua sử dụng của Hoàng Văn T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng đồng; số Imei: 355423079023235, máy cũ đã qua sử dụng của Dương Văn C.

- 14 (mười bốn) cuốn sổ ghi chép được đánh số thứ tự từ 01 đến 14 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Đức B.

Quá trình điều tra các bị hại Đào Phương A, Phạm Thị Ngọc L từ chối giám định tỷ lệ thương tích.

Đối với Hoàng Văn T, Nguyễn Đức B thu, giữ 02 (hai) chiếc điện thoại di động của Phương A, L mục đích chính là để khống chế không cho bị hại gọi người khác đến giải cứu chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt. Do đó cơ quan

cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng xác định không có sự việc phạm tội.

Đối với Nguyễn Thị Thùy L, Bùi Minh H quá trình điều tra xác định L, H không liên quan đến hành vi bắt giữ người trái pháp luật trong vụ án.

Hành vi của Nguyễn Đức B, Hoàng Văn T đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố về tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật"* theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của Nguyễn Văn V, Dương Văn C đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố về tội *"Bắt người trái pháp luật"* theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKSTP ngày 11 tháng 7 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nguyễn Đức B, Hoàng Văn T về tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật"* theo điểm đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo Nguyễn Văn V, Dương Văn C bị truy tố về tội *"Bắt người trái pháp luật"* theo điểm đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại. Về xử lý vật chứng: các bị cáo dùng điện thoại bị thu giữ để trao đổi việc bắt giữ người trái pháp luật nên không có ý kiến gì về những chiếc điện thoại này.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt các bị hại xác nhận đã được các bị cáo bồi thường (bị cáo B, T, C mỗi bị cáo bồi thường cho mỗi bị hại 1.000.000 đồng, riêng bị cáo V bồi thường cho mỗi bị hại 2.000.000 đồng) và không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự: đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thùy L đã nhận lại tài sản là 02 chiếc điện thoại di động và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Nguyễn Đức B, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn V, Dương Văn C như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 157, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức B, Hoàng Văn T phạm tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật"*, bị cáo Nguyễn Văn V, Dương Văn C phạm tội *"Bắt người trái pháp luật"*. Xử phạt các bị cáo với mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

+ Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng đồng; số Imei: 356152090534354, máy cũ đã qua sử dụng.

+ Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 + màu vàng nhạt, số Imei 1: 352808092432111; số Imei 2: 352809092432119, máy cũ đã qua sử dụng.

+ điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen, số Imei 1: 354465105312679; số Imei 2: 354466105312677, máy cũ đã qua sử dụng.

+ điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng đồng; số Imei: 355423079023235, máy cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 14 (mười bốn) cuốn sổ ghi chép được đánh số thứ tự từ 01 đến 14 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Đức B.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo V như sau:

- Người phạm tội đã ngăn chặn, giảm bớt tác hại của tội phạm (do bị cáo ngăn không cho bị cáo khác đánh bị hại);

- Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại;

- Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;

- Phạm tội do lạc hậu, do bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật;

- Thành khẩn khai báo;

- Gia đình bị cáo thờ cúng liệt sĩ Nguyễn Văn T.

Bị cáo V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị áp dụng hình phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đối đáp: do bị cáo phạm tội nghiêm trọng với hai tình tiết định khung quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự nên không chấp nhận áp dụng tình tiết "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn". Bị cáo có trình độ học vấn 9/12 phổ thông, sống tại Thái Nguyên là tỉnh có nền kinh tế xã hội phát triển nên không áp dụng tình tiết phạm tội do lạc hậu. Đối với các tình tiết: người phạm tội đã ngăn chặn, giảm bớt tác hại của tội phạm, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn và gia đình bị cáo thờ cúng liệt sĩ Nguyễn Văn T cũng không có căn cứ để áp dụng.

Các bị cáo còn lại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải và xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức B, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn V, Dương Văn C khai nhận

hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 01/4/2019 sau khi sử dụng số điện thoại lạ để hẹn Phương A và L đến tiếp khách tại quán Karaoke G thuộc phường Đ, thành phố C, B gọi điện thoại cho Dương Văn C, Nguyễn Văn V và Hoàng Văn T đến đó để bắt Phương A và L về. Nhóm của C, V, T đồng ý. Sau khi gặp được Phương A và L thì C, V, T đã có hành vi đánh, tát, giữ tài sản, lôi kéo và bắt ép Phương A và L về phòng trọ do B quản lý tại tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi đưa Phương A và L về đến phòng trọ, B nhắn T trông giữ Phương A và L không cho Phương A và L đi đâu. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 02/4/2019 B đi từ Thái Nguyên về đến Cao Bằng, cả ngày 02/4/2019 B và T ở phòng trông giữ, giám sát không cho Phương A và L đi đâu ngoài tầm kiểm soát của mình. Mục đích của việc bắt, giữ trên là bắt Phương A và L về để làm nhân viên tiếp khách do B quản lý.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo phạm tội đối với 02 người và cả 02 bị hại đều dưới 18 tuổi. Do đó, hành vi của bị cáo B và T đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo V và C đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt người trái pháp luật" quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

[3] Xét vai trò của các bị cáo: đây là vụ án đồng phạm đơn giản, các bị cáo hành động bột phát, không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng trước khi thực hiện.

Bị cáo Nguyễn Đức B đã gọi điện cho bị cáo Hoàng Văn T, Nguyễn Văn V và Dương Văn C nhờ bắt Phương A và L. Đồng thời bị cáo là người có lời nói đe dọa Phương A và L. Như vậy, bị cáo B có vai trò chính trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Nhận lời nhờ của B, bị cáo T đi cùng V và C bắt Phương A và L, đồng thời cũng là người trực tiếp giữ Phương A, L ở phòng trọ của B. Các bị cáo Nguyễn Văn V và Dương Văn C là những người tích cực thực hiện hành vi bắt Phương A và L nhưng không tham gia giữ Phương A và L, do đó, vai trò của V và C ít hơn so với B và T.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự (riêng bị cáo Chung có 01 tiền sự đã được xóa). Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, tác động gia đình bồi thường cho các bị hại. Ngoài ra, các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác người bào chữa yêu cầu áp dụng đối với bị cáo V không có căn cứ nên không chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Về hình phạt:

Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đối với các bị cáo hoàn toàn phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của cáo. Tuy nhiên, cần cá thể hóa trách nhiệm hình sự giữa các bị cáo, bị cáo V và bị cáo C chỉ thực hiện hành vi bắt người, không thực hiện hành vi giữ người nên khi lượng hình cần áp dụng hình phạt phù hợp.

Đối với đề nghị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo của người bào chữa đối với bị cáo V: xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo V (phạm tội với hai tình tiết định khung) nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại đều xác nhận đã được các bị cáo bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước phương tiện dùng vào việc phạm tội, gồm có:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng đồng; số Imei: 356152090534354, máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Đức B.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 + màu vàng nhạt, số Imei 1: 352808092432111; số Imei 2: 352809092432119, máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn V.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen, số Imei 1: 354465105312679; số Imei 2: 354466105312677, máy cũ đã qua sử dụng của Hoàng Văn T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng đồng; số Imei: 355423079023235, máy cũ đã qua sử dụng của Dương Văn C.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức B 14 (mười bốn) cuốn sổ ghi chép được đánh số thứ tự từ 01 đến 14 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Đức B do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s và Nokia 1202 đã tạm giữ của Nguyễn Thị Thùy L, qua quá trình điều tra, xét thấy 02 chiếc điện thoại trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S và IPHONE 5S của Đào Phương A và Phạm Thị Ngọc L mà cơ quan điều tra đã thu giữ được

khi khám xét tại phòng trọ của Nguyễn Đức B, xét thấy việc trả lại tài sản không làm ảnh hưởng đến việc truy tố, xét xử nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là Phương A và L là đúng pháp luật.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với Bùi Minh H (sinh năm 1996, trú tại: tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) không trực tiếp tham gia vào hành vi Bắt giữ người trái pháp luật nhưng đã thực hiện hành vi dùng tay tát các bị hại Đào Phương A và Phạm Thị Ngọc L nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) đối với H là đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị Thùy L (sinh năm 1999; trú tại: Tổ AB, phường Q, quận H, thành phố H) là bạn gái của B. L biết việc B và các bạn của B bắt giữ Phương A và L nhưng không được tham gia bắt giữ cùng nhóm của B nên cơ quan cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để xử lý đối với L.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Đức B, Hoàng Văn T phạm tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật"*

Bị cáo Nguyễn Văn V, Dương Văn C phạm tội *"Bắt người trái pháp luật"*.

Xử phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 02/4/2019.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 02/4/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 02/4/2019.

Xử phạt bị cáo Dương Văn C 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 03/4/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: các bị hại đều xác nhận đã được các bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử:

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng đồng; số Imei: 356152090534354, máy cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 + màu vàng nhạt, số Imei 1: 352808092432111; số Imei 2: 352809092432119, máy cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen, số Imei 1: 354465105312679; số Imei 2: 354466105312677, máy cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng đồng; số Imei: 355423079023235, máy cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức B 14 (mười bốn) cuốn sổ đã được đánh số thứ tự và có chữ ký xác nhận của Nguyễn Đức B.

Xác nhận toàn bộ vật chứng kể trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 11 tháng 7 năm 2019.

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc các bị cáo Nguyễn Đức B, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn V, Dương Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hoài Phương